UBND TỈNH ĐỒNG THÁP **SỞ Y TẾ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 1120/SYT-NVD V/v điều tiết số lượng thuốc trúng thầu năm 2021-2023 cho Trung tâm Y tế thành phố Sa Đéc (Lần 2)	*Đồng Tháp, ngày 24tháng 03 năm 2022*

Kính gửi:
- Trung tâm Y tế thành phố Sa Đéc;
- Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc;
- Trung tâm Y tế huyện Lấp Vò.

Căn cứ Thông tư số 15/2019/TT-BYT ngày 11 tháng 7 năm 2019 của Bộ Y tế quy định việc đấu thầu thuốc tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Quyết định số 920/QĐ-SYT ngày 31 tháng 7 năm 2021 của Sở Y tế Đồng Tháp về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua thuốc Generic cho ngành Y tế tỉnh Đồng Tháp năm 2021-2023;

Qua xem xét nội dung các Công văn số 110/TTYT-DVTYT ngày 08/3/2022 của Trung tâm Y tế thành phố Sa Đéc về việc xin điều tiết SLKH thuốc trúng thầu năm 2021-2023 lần 2; Công văn số 273/BVĐKSĐ-KD ngày 13/02/2022 của Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc về việc đồng ý điều chuyển số lượng kế hoạch thuốc trúng thầu năm 2021-2023 cho TTYT thành phố Sa Đéc; Công văn số 514/TTYT-KDVTYT ngày 28/02/2022 của Trung tâm Y tế huyện Lấp Vò về việc chấp nhận điều chuyển số lượng kế hoạch thuốc trúng thầu năm 2021-2023.

Sở Y tế chấp thuận điều tiết số lượng thuốc trúng thầu năm 2021-2023 cho **Trung tâm Y tế thành phố Sa Đéc** theo danh mục đính kèm.

Đề nghị đơn vị nhận điều tiết thực hiện các thủ tục tiếp theo đúng quy định hiện hành để đảm bảo đủ thuốc phục vụ nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh./.

Nơi nhận:
- Như trên;
- BGĐ Sở (để b/c);
- BHXH tỉnh (để p/h);
- Trang web Sở;
- Lưu: VT, NVD.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM
SỞ Y TẾ
TỈNH ĐỒNG THÁP

Lâm Thị Ngọc Kim

DANH MỤC THUỐC ĐIỀU TIẾT THẦU NĂM 2021-2023

(Đính kèm Công văn số 1120/SYT-NVD ngày 24 tháng 03 năm 2022 của Sở Y tế Đồng Tháp)

STT	MSMH	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	GPLH /GPNK	ĐVT	Đơn giá	CSYT nhận điều tiết			CSYT điều tiết		
								Số lượng được phân bổ trong TTK	Số lượng đã nhập	Số lượng phân bổ còn lại đến 28/02/2022	Số lượng	Thành tiền	Tên CSYT điều tiết
1	N4797.942	AGICETAM 400	Piracetam	400mg	VD-26091-17	Viên	265	61.000	83.000	-22.000	150.000	39.750.000	Bệnh viện Đa khoa Sa Đéc
2	N4102.84	Chymotrypsin	Alpha chymotrypsin	4,2mg	VD-20980-14	Viên	134	6.000	6.000	0	20.000	2.680.000	
3	N4715.788	DH-Metglu XR 1000	Metformin	1000mg	VD-27507-17	Viên	1.995	24.000	13.000	11.000	100.000	199.500.000	
4	N4389.484	Isosorbid	Isosorbid (dinitrat hoặc mononitrat)	10mg	VD-22910-15	Viên	134	25.000	15.200	9.800	100.000	13.400.000	
5	N4704.774	Lazibet MR 60	Gliclazid	60mg	VD-30652-18	Viên	690	140.000	118.590	21.410	200.000	138.000.000	
6	N3078.566	Lipotatin 20mg	Atorvastatin	20mg	VD-24004-15	Viên	466	10.000	6.000	4.000	100.000	46.600.000	
7	N4722.810	Meyerison	Eperison	50mg	VD-30780-18	Viên	252	60.000	50.000	1.000	100.000	25.200.000	
8	N4487.576	ROTINVAST 10	Rosuvastatin	10mg	VD-19836-13	Viên	315	25.000	42.990	-17.990	100.000	31.500.000	
9	N4336.295	Trifungi	Itraconazol	100mg	VD-24453-16	Viên	4.100	1.500	1.500	0	5.000	20.500.000	
10	N4847.970	VACOMUC 100	N-acetylcystein	100mg	VD-22568-15	Gói	417	250	0	250	5.000	2.085.000	
11	N4403.505	MAXXPROLOL 2.5	Bisoprolol	2,5mg	VD-25134-16	Viên	176	30.000	29.400	600	100.000	17.600.000	

STT	MSMH	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	GPLH /GPNK	ĐVT	Đơn giá	CSYT nhận điều tiết			CSYT điều tiết		
								Số lượng được phân bổ trong TTK	Số lượng đã nhập	Số lượng phân bổ còn lại đến 28/02/2022	Số lượng	Thành tiền	Tên CSYT điều tiết
12	N4327.277	Acyclovir 5%	Aciclovir	5%, 5g	VD-27018-17	Tuýp	4.080	200	100	100	500	2.040.000	Trung tâm Y tế huyện Lấp Vò
13	N4536.660	AGIFUROS	Furosemid	40mg	VD-27744-17	Viên	103	1.500	1.500	0	20.000	2.060.000	
14	N4921.1011	Bifehema	Sắt gluconat + mangan gluconat + đồng gluconat	Dung tích 10ml	VD-29300-18	Ống	2.982	1.500	1.380	120	10.000	29.820.000	
15	N4906.1001	Calcium	Calci lactat	300mg	VD-33457-19	Viên	1.180	10.000	16.500	-6.500	10.000	11.800.000	
16	N4408.509	Captopril	Captopril	25mg	VD-32847-19	Viên	96	42.000	35.400	6.600	20.000	1.920.000	
17	N4216.183	Cefixim 100	Cefixim	100mg	VD-20251-13	Viên	715	3.000	1.500	1.500	10.000	7.150.000	
18	N4102.84	Chymotrypsin	Alpha chymotrypsin	4,2mg	VD-20980-14	Viên	134	6.000	6.000	0	30.000	4.020.000	
19	N4096.76	Darinol 300	Allopurinol	300mg	VD-28788-18	Viên	378	20.000	500	19.500	10.000	3.780.000	
20	N3095.788	GLUDIPHA 500	Metformin	500mg	VD-20855-14	Viên	175	50.000	50.000	0	30.000	5.250.000	
21	N3092.776	Glumerif 4	Glimepirid	4mg	VD-22032-14	Viên	1.100	5.000	4.440	60	20.000	22.000.000	
22	N2026.56	Hapacol Caplet 500	Paracetamol (acetaminophen)	500mg	VD-20564-14	Viên	220	45.000	44.900	100	100.000	22.000.000	
23	N4421.522	IHYBES 150	Irbesartan	150mg	VD-23489-15	Viên	495	10.000	33.450	-23.450	20.000	9.900.000	

STT	MSMH	Tên thuốc	Tên hoạt chất	Nồng độ, hàm lượng	GPLH /GPNK	ĐVT	Đơn giá	CSYT nhận điều tiết			CSYT điều tiết		
								Số lượng được phân bổ trong TTK	Số lượng đã nhập	Số lượng phân bổ còn lại đến 28/02/2022	Số lượng	Thành tiền	Tên CSYT điều tiết
24	N4424.523	Irbeazid-AM	Irbesartan + hydroclorothiazid	150mg + 12,5mg	VD-27410-17	Viên	588	2.200	2.200	0	20.000	11.760.000	Trung tâm Y tế huyện Lấp Vò
25	N4337.296	Ketoconazol	Ketoconazol	2%, 5g	VD-25345-16	Tuýp	3.250	500	50	450	300	975.000	
26	N4174.163	MEBENDAZOL	Mebendazol	500mg	VD-25614-16	Viên	1.530	300	175	125	500	765.000	
27	N4714.788	Metformine EG 1000mg	Metformin	1000mg	VD-23851-15	Viên	560	60.000	56.310	3.690	30.000	16.800.000	
28	N4180.169	Midagentin 250/62,5	Amoxicilin + acid clavulanic	250mg + 62,5mg	VD-24800-16	Gói	1.650	5.000	600	4.400	10.000	16.500.000	
29	N4908.1001	Mumcal	Calci lactat	500mg, dung tích 10ml	VD-20804-14	Ống	3.250	8.000	3.800	4.200	20.000	65.000.000	
30	N4437.534	Nifedipin Hasan 20 Retard	Nifedipin	20mg	VD-32593-19	Viên	504	25.000	20.900	3.100	20.000	10.080.000	
31	N4068.56	PANALGAN® Effer 500	Paracetamol (acetaminophen)	500mg	VD-31630-19	Viên	530	2.000	2.000	0	20.000	10.600.000	
32	N4197.175	Vitraclor 125mg	Cefaclor	125mg	VD-19980-13	Gói	1.184	2.000	456	1.544	20.000	23.680.000	
33	N4430.528	Losartan	Losartan	50mg	VD-22912-15	Viên	196	150.000	127.800	22.200	100.000	19.600.000	
		Tổng số: 34 khoản										**834.315.000**	